

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

**Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện
Nghị quyết hội nghị Trung ương 8 Khóa XIII**

I- CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 50-CTr/TU, NGÀY 19/3/2024 CỦA TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 42-NQ/TW VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Tình hình và nguyên nhân

Hơn 10 năm qua, việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chính sách xã hội được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức của hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của chính sách xã hội ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công được thực hiện khá tốt, diện thụ hưởng chính sách được quan tâm mở rộng; hệ thống cơ sở y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội tiếp tục được đầu tư, thể hiện ngày càng rõ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đến nay, tỉnh cơ bản không còn gia đình chính sách khó khăn về nhà ở, hằng năm giải quyết việc làm cho hơn 35.000 lượt lao động, lao động qua đào tạo đạt 72%, huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định, tỷ lệ hộ nghèo đến hết năm 2023 giảm còn 1,28%; các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đều có đài truyền thanh và phủ sóng truyền hình, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố nâng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc thực hiện các chính sách xã hội có mặt còn hạn chế. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến một số nơi chưa quyết liệt, hiệu quả chưa cao. Một bộ phận cán bộ và người dân chưa nhận thức được đầy đủ, sâu sắc về chính sách an sinh xã hội. Nguồn lực huy động, việc lồng ghép các chương trình, dự án thực hiện các chính sách xã hội còn gặp khó khăn. Đời sống của một bộ phận gia đình chính sách, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, căn cứ kháng chiến, vùng biên giới, ven biển và hải đảo còn khó khăn.

2. Quan điểm chỉ đạo

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc 4 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, đồng thời tập trung thực hiện tốt các quan điểm sau:

- Thực hiện chính sách xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Triển khai thực hiện chính sách xã hội phải đa dạng, toàn diện, hài hòa các quan hệ xã hội,

bảo đảm an sinh cho Nhân dân và phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội bền vững.

- Trong thực hiện chính sách xã hội phải chú trọng huy động, khơi thông, phân bổ và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng phát triển kinh tế của tỉnh và thu nhập của Nhân dân, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, đi đôi với đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia. Tăng cường hợp tác quốc tế, đối ngoại nhân dân để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện chính sách xã hội.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Thực hiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

3.2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Tỉnh không còn gia đình chính sách khó khăn về nhà ở; bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với địa bàn nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55%; hằng năm giải quyết việc làm từ 35.000 lượt lao động trở lên; phấn đấu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh tham gia BHXH, khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp, khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; duy trì tỷ lệ hộ nghèo dưới 2%; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%; tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75,5 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao trong khu vực; 36,4 giường bệnh viện, 11,9 bác sĩ, 3 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại

y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Triển khai thực hiện hợp lý việc xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; quyết tâm xóa bỏ tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh đạt khoảng 30 m² sàn/người. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Duy trì 100% và nâng cao chất lượng đài truyền thanh và phủ sóng truyền hình các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

3.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Triển khai thực hiện chính sách xã hội toàn diện, bền vững, tiên bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho người dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển tỉnh và xây dựng con người Kiên Giang toàn diện. Kiên Giang nằm trong nhóm các tỉnh có chỉ số phát triển con người (HDI) cao so với khu vực và cả nước.

4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

4.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong thực hiện chính sách xã hội

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

- Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó đề nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội các cấp, các hội quần chúng thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4.2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận chính sách xã hội. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân.

- Đẩy mạnh huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả, trong nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công – tư trong thực hiện chính sách xã hội.

4.3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Rà soát, xử lý dứt điểm các trường hợp còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công. Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công”, ưu tiên hỗ trợ gia đình người có công tiếp cận các dịch vụ về giáo dục và đào tạo, y tế, phát triển sản xuất, học nghề, việc làm.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng; thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời điều chỉnh các mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo quy định của Trung ương, ưu tiên sắp xếp việc làm, tạo điều kiện tốt việc nuôi dưỡng thương binh, con liệt sĩ mồ côi, cha mẹ liệt sĩ già yếu không nơi nương tựa, tạo điều kiện để người có công tự lực vươn lên, tham gia sản xuất-kinh doanh và các hoạt động xã hội khác.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phát động phong trào toàn dân chăm lo cho gia đình chính sách; vận động các tổ chức và cá nhân ủng hộ, đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa; nâng mức phụng dưỡng đối với bà mẹ Việt Nam Anh hùng; biểu dương, khen thưởng những tấm gương tiêu biểu của các tập thể và cá nhân trong phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, những thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ gương mẫu vượt khó vươn lên, tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho mình và góp phần xây dựng quê hương đất nước.

- Tiếp tục rà soát, thống kê nắm chắc đời sống hộ gia đình chính sách trên địa bàn. Quan tâm thực hiện tốt công tác sửa chữa, nâng cấp các công trình nghĩa trang liệt sĩ, bia ghi công, đài tưởng niệm liệt sĩ; tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trên địa bàn tỉnh và các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia.

4.4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì

mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư.

- Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục; đa dạng hóa chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh nhanh và bền vững, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Vận hành sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

4.5. Triển khai thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

- Phát hiện, phản ánh những bất cập của chính sách và quá trình thực hiện chính sách ở địa phương, cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị-xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến mọi tầng lớp Nhân dân, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện; tuyên truyền, vận động người dân hạn chế việc làm thủ tục hưởng BHXH một lần ảnh hưởng đến quyền lợi lâu dài, đảm bảo an sinh xã hội.

- Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ

trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4.6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- *Về giáo dục:* Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt cho việc dạy và học theo hướng chuẩn hóa, từng bước hiện đại hóa; đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các trường trọng điểm, trường đạt chuẩn quốc gia. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, tiến tới phổ cập trung học ở những nơi có điều kiện. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; thực hiện tốt chính sách cử tuyển và đào tạo theo địa chỉ đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm xây dựng nền tảng giáo dục thông minh, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đông dân cư.

- *Về y tế:* Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế và hiệu quả sử dụng BHYT cho đối tượng chính sách, người có công, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, cận nghèo. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Phát triển các cơ sở y được cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền và hiện đại; đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- *Về phát triển văn hóa:* Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt là nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi tập trung đông người lao động...

- *Về thông tin:* Đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. củng cố và phát triển mạng lưới thông tin cơ sở. Xây dựng quy hoạch, phát triển mạng lưới thông tin cơ sở; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- *Về nhà ở:* Thực hiện cơ chế hỗ trợ nhà ở cho người có thu nhập thấp ở đô thị để có giá thuê, giá mua hợp lý đối với các đối tượng theo quy định. Tập trung khắc phục những khó khăn về đất đai, quy hoạch, vốn, thủ tục, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội. Cải thiện điều kiện nhà ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp ở đô thị, từng bước giải

quyết nhu cầu về nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp, học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh thực hiện phong trào xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo.

- *Về nước sạch, vệ sinh môi trường*: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng dân cư nông thôn trong việc sử dụng, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế-xã hội; có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các đô thị lớn, khu vực nông thôn. Tăng cường nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu dân cư, nhất là khu vực nông thôn.

4.7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em.

4.8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Triển khai thực hiện tốt các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương, các công ước, điều ước và khuyến nghị quốc tế về lao động, việc làm và ASXH; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

II- CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 51-CTr/TU, NGÀY 19/3/2024 CỦA TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 43-NQ/TW VỀ TIẾP TỤC PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TA NGÀY CÀNG GIÀU MẠNH, PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

1. Tình hình

Qua 20 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được nâng lên, xác định đây là động lực thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại của tỉnh, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng nâng cao. Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương, quyền làm chủ của Nhân dân tiếp tục được phát huy; các cấp ủy đảng, chính quyền chú trọng tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, giải quyết kịp thời các ý kiến, kiến nghị, bức xúc của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội quan tâm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, tăng cường tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần yêu nước, tiềm năng của Nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; thực hiện tốt vai trò đại diện quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, làm tốt vai trò cầu nối giữa cấp ủy đảng, chính quyền với Nhân dân, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc có mặt còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chưa sâu rộng; việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện, sơ kết, tổng kết thiếu thường xuyên. Kinh tế-xã hội phát triển chưa đồng đều giữa các vùng, các địa phương, đời sống của một bộ phận Nhân dân, nhất là vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn khó khăn.

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc 4 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, đồng thời tập trung thực hiện tốt các quan điểm sau:

- Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, là nhân tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ cơ sở, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền làm chủ của Nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của cấp ủy đảng và của cả hệ thống chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong đó, đoàn kết trong

Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết trong hệ thống chính trị, đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và hội quần chúng các cấp giữ vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp, đoàn kết, tạo sự đồng thuận, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân trong xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

2.2. Mục tiêu

Tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu quê hương, ý chí tự cường, niềm tin, khát vọng xây dựng tỉnh nhà phát triển nhanh, hài hòa và bền vững, góp phần thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 Kiên Giang là tỉnh có chất lượng sống cao của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Tiếp tục học tập, quán triệt, nâng cao nhận thức, thực hiện tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, nhất là nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Phát huy hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa, nghệ thuật; phối hợp đồng bộ giữa thông tin đối nội và đối ngoại trong tuyên truyền về đại đoàn kết toàn dân tộc, gắn với tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu, hình ảnh Kiên Giang phát triển.

- Kịp thời nắm bắt và giải quyết tốt tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; đề cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc, chức sắc, chức việc trong các tôn giáo làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận xã hội, động viên Nhân dân tích cực phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng bộ tỉnh và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Thực hiện tốt đoàn kết, thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và trong Nhân dân. Nâng cao cảnh giác, chủ động phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý kịp thời âm mưu, thủ đoạn, hành động chia rẽ Đảng, Nhà nước với Nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.2. Triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển tỉnh nhà

- Đổi mới mô hình tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân, hình thức hoạt động của mỗi doanh nghiệp và yêu cầu hội nhập quốc tế. Thực hiện tốt pháp luật lao động, bảo hộ lao động và các chính sách bảo hiểm cho người lao động. Tăng cường phát triển đảng trong công nhân, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp, công nhân trẻ, trực tiếp sản xuất.

- Xây dựng giai cấp nông dân của tỉnh phát triển toàn diện, văn minh, tự chủ, tự lực, tự cường, có ý chí, khát vọng vươn lên; có trình độ và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn; xây dựng nông thôn thật sự trở thành “những miền quê đáng sống”.

- Có chính sách thu hút, trọng dụng trí thức, đội ngũ chuyên gia phục vụ phát triển, nhất là trên các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh. Phát huy vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật chuyên ngành và đội ngũ trí thức đối với các đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chủ trương về nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, phát triển kinh tế tư nhân. Phát huy vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh trong đoàn kết, tập hợp doanh nghiệp đầu tư, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh.

- Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, truyền thống quê hương, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng cống hiến, vươn lên, xây dựng tỉnh nhà phát triển giàu đẹp. Phát triển các phong trào thi đua học tập, lao động, sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp, làm chủ kiến thức khoa học - công nghệ hiện đại, xung kích, tình nguyện trong thanh niên trên các lĩnh vực.

- Xây dựng phụ nữ có tri thức, đạo đức, sức khỏe, trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em.

- Tiếp tục phát huy bản chất cách mạng, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, nâng cao vai trò của Cựu Chiến binh, cựu quân nhân trong việc tích cực tham gia xây dựng và phát triển tỉnh nhà; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nêu gương và giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; tích cực giúp nhau làm kinh tế, cải thiện, nâng cao đời sống, làm giàu hợp pháp.

- Phát huy vai trò mẫu mực của người cao tuổi trong cộng đồng và từng gia đình. Khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt các chính sách đối với người cao tuổi, nhất là người cao tuổi gặp khó khăn, không nơi nương tựa.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc, phát huy vai trò người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc. Động viên, phát huy vai trò của đồng bào dân tộc trong việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức cảnh giác với các luận điệu tuyên truyền nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo, quyền sinh hoạt tôn giáo theo pháp luật. Thực hiện đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo, đồng bào theo các tôn giáo khác nhau. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp, nguồn lực của các tôn giáo trong xã hội.

- Thực hiện tốt chủ trương, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Kịp thời thông tin, tuyên truyền về tình hình đất nước, trong tỉnh; động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài tích cực tham gia xây dựng quê hương.

3.3. Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thực hiện tốt việc giữ gìn và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm nhằm ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền, đoàn thể các cấp.

- Tăng cường xây dựng đoàn kết, thống nhất trong cấp ủy, tổ chức đảng và toàn đảng bộ, làm cơ sở để thực hiện đoàn kết trong hệ thống chính trị và đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, sâu sát cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, gắn bó mật thiết với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để giám sát và đánh giá cán bộ; mỗi cán bộ, đảng viên phải dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hy sinh vì lợi ích chung.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp định kỳ tiếp xúc, đối thoại và giải quyết kịp thời nguyện vọng, kiến nghị chính đáng, những vấn đề bức xúc của đoàn viên, hội viên và Nhân dân, tạo thuận lợi cho Nhân dân tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền.

3.4. Nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền trong giữ gìn và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Chính quyền các cấp ban hành chủ trương, nghị quyết phải xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và giải quyết hài hòa các lợi ích trong xã hội.

- Bảo đảm mọi hoạt động của cơ quan chính quyền, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đều phải phục vụ Nhân dân; lấy kết quả xây dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, thước đo hiệu quả công việc; kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân, nhất là những vấn đề Nhân dân quan tâm, dư luận xã hội bức xúc; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo.

- Khơi dậy, phát huy tiềm năng, sức mạnh sáng tạo, tinh thần cống hiến của Nhân dân vì sự phát triển của tỉnh nhà; tập trung phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân; thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh, giảm nghèo bền vững gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

3.5. Nâng cao trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong thực hiện phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Các lực lượng vũ trang tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong lực lượng vũ trang với Nhân dân; tập trung xây dựng vững chắc thể trận “lòng dân”, thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh Nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo vệ Đảng, chính quyền, Nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc, nền văn hóa và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý âm mưu, thủ đoạn, hành động chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tỉnh.

3.6. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội, hội quần chúng; khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển tỉnh nhà

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

- Thực hiện tốt vai trò nòng cốt chính trị, phát huy tinh thần tự quản của cộng đồng dân cư, nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở, hòa giải, giám sát của Nhân dân tại cộng đồng. Chú trọng bồi dưỡng, hướng dẫn, phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng; tổ chức sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình tự quản có hiệu quả trong cộng đồng dân cư.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc”. Vận động, hướng dẫn phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống như đồng hương, dòng họ, gia đình...

- Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và hội quần chúng trong xây dựng khối đại

đoàn kết toàn dân tộc; tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân địa bàn cơ sở thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội, các hội quần chúng đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền vận động Nhân dân, quản lý đoàn viên, hội viên, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để kịp thời đề xuất, kiến nghị với Đảng, chính quyền.

3.7. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiềm năng và sức sáng tạo của Nhân dân

- Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện tốt việc lấy ý kiến Nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng các chủ trương, chính sách, quyết định những vấn đề lớn, quan trọng của đất nước, địa phương, cơ sở, những vấn đề liên quan mật thiết đến cuộc sống của người dân. Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc tiếp thu, giải trình của chính quyền, cơ quan nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân.

- Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xã hội; tạo sự đồng thuận xã hội gắn với đề cao ý thức trách nhiệm của công dân; xử lý nghiêm hành vi lợi dụng dân chủ để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.8. Tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả

- Đổi mới việc tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua theo hướng thiết thực, hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở để đông đảo người dân tham gia, thực sự là chủ thể trong lao động sản xuất, sáng tạo, phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, làm giàu cho gia đình, quê hương tỉnh nhà, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình; phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng mô hình hay, cách làm tốt trong các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

III- CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 52-CTr/TU, NGÀY 19/3/2024 CỦA TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 45-NQ/TW VỀ TIẾP TỤC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC NHANH VÀ BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Tình hình và nguyên nhân

Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, công tác xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị và xã hội về vị trí, vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức ngày càng nâng lên. Đội ngũ trí thức trong tỉnh có

sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, là lực lượng đi đầu trong nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 98.847 người có trình độ đại học và sau đại học⁽¹⁾ (tăng 84.847 người so với năm 2008), chiếm 5,64% dân số; được cơ cấu theo ngành, chức danh, vị trí việc làm phù hợp; được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất, tạo môi trường làm việc thuận tiện. Các tổ chức hội của trí thức được củng cố, kiện toàn⁽²⁾, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao vai trò đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của trí thức; tăng cường tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của trí thức đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương. Hoạt động tư vấn phản biện và giám định xã hội được phát huy, góp phần cung cấp các luận cứ khoa học đối với những chương trình, đề án, dự án lớn của địa phương trước khi cấp thẩm quyền quyết định. Một bộ phận đội ngũ trí thức trực tiếp tham gia lãnh đạo, quản lý, điều hành ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Sự gắn bó giữa Đảng với trí thức ngày càng được tăng cường; khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công-nông-trí thức tiếp tục được củng cố vững chắc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, chính sách đãi ngộ của tỉnh chưa thực sự đủ mạnh, sức hấp dẫn chưa cao để thu hút và giữ chân tốt đối với trí thức, đặc biệt là các chuyên gia, trí thức có chuyên môn cao về làm việc tại tỉnh; vẫn còn tình trạng trí thức trẻ được đào tạo nâng cao trình độ, sau khi tốt nghiệp không trở về tỉnh công tác hoặc xin chuyển đi nơi khác có môi trường, điều kiện làm việc tốt hơn, thu nhập cao hơn, nhất là ngành y tế, giáo dục. Công tác quy hoạch đào tạo sau đại học chưa đồng bộ, cân đối. Nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học của trí thức chưa đáp ứng yêu cầu đa dạng, phong phú của thực tiễn.

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc 3 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, đồng thời tập trung thực hiện tốt các quan điểm sau:

- Trí thức nói chung, trí thức trong tỉnh nói riêng, đều là lực lượng quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng đội ngũ trí thức trong tỉnh vững mạnh là nhân tố quan trọng trong nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của đảng bộ và nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng,

¹ Trong đó, có 64 tiến sĩ, 2.434 thạc sĩ và tương đương (gồm 1.647 thạc sĩ, 693 bác sĩ chuyên khoa I và 94 bác sĩ chuyên khoa II).

² Toàn tỉnh hiện có 63 tổ chức hội trí thức hoạt động ở cấp tỉnh (11 hội đặc thù) thuộc 16 sở và 45 hội hoạt động ở cấp huyện, trong đó Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh với vai trò là cơ quan tập hợp, phát huy đội ngũ trí thức.

quản lý của chính quyền và chất lượng của hệ thống chính trị và góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

- Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững của tỉnh, góp phần bồi đắp “nguyên khí quốc gia”. Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của đảng bộ, chính quyền giữ vai trò quyết định.

- Trí thức có vinh dự và bổn phận trước quê hương và dân tộc, phải không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển của tỉnh.

2.2. Mục tiêu

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Phát triển đội ngũ trí thức bảo đảm về số lượng và chất lượng, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực then chốt, trọng yếu, lĩnh vực mới đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo sự phát triển nhanh, hài hòa và bền vững của tỉnh, theo hướng phát triển các lĩnh vực khoa học, công nghệ cao, tiếp cận nền kinh tế tri thức, kinh tế số; tăng cường gắn bó giữa cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể với trí thức; củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công-nông-trí.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, tạo cơ hội, điều kiện, động lực cho đội ngũ trí thức phát triển toàn diện, nâng cao năng lực, trình độ. Ưu tiên bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mũi nhọn, công nghệ xanh; quan tâm đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị, quản lý, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, văn học, nghệ thuật.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đảm bảo có trình độ chuyên môn cao, năng lực thực tiễn tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng xã hội học tập mở, học tập suốt đời; chú trọng công tác đào tạo nghề đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, của các doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động.

- Phấn đấu 100% công chức, viên chức được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm; 100% đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo của cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên; 100% trường cao đẳng, 50% trường trung cấp và 80% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng; 100% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia⁽³⁾.

³ Hiện nay, có 12.239/12.533, đạt 97,65% công chức, viên chức được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm; có 97,39% đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo của cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên; có 66% trường cao đẳng và 18% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng; có 49% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia.

- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 80% (trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55%, tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%); khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại⁽⁴⁾.

2.2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Đội ngũ trí thức của tỉnh lớn mạnh, có chất lượng cao, cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Phát triển giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, trở thành địa phương phát triển về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực, bắt kịp trình độ phát triển của các nước ASEAN, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo trong nước.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, nâng cao, thống nhất nhận thức trong các cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy kinh tế-xã hội của tỉnh phát triển nhanh, hài hòa và bền vững.

- Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tăng cường đồng thuận của đội ngũ trí thức đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng đề cao vinh dự, đạo đức, tinh thần cống hiến, trách nhiệm của trí thức đối với đất nước và địa phương.

- Xây dựng kế hoạch, đề án nhằm thu hút, trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng, tôn vinh đội ngũ trí thức phù hợp với yêu cầu và thực tiễn của ngành, địa phương. Xác định lĩnh vực, địa bàn trọng điểm để phát huy tốt nhất năng lực, sự cống hiến, tâm huyết của đội ngũ trí thức, nhất là các nhà khoa học giỏi, chuyên gia đầu ngành có uy tín.

- Đề cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có nhiều trí thức, đảng viên là trí thức, nhất là trí thức làm lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trách nhiệm nêu gương gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chú trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức trong các cơ quan, tổ chức có nhiều đảng viên là trí thức.

3.2. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức, trọng dụng nhân tài

- Quan tâm đầu tư nguồn lực để phát triển cơ sở nghiên cứu có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu, đóng góp của đội ngũ

⁴ Hiện nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72% (trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 51,5%, tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 53%); có 70% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại.

trí thức. Khuyến khích việc liên kết, hợp tác giữa cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ, năng lực hoạt động.

- Xây dựng chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức, trọng dụng nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc, tập trung vào các nhà khoa học giỏi, có trình độ chuyên môn cao, có khả năng chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các chuyên gia đầu ngành, trí thức có uy tín, có nhiều cống hiến trong các ngành, lĩnh vực quan trọng, đặc biệt quan tâm hỗ trợ cho trí thức trẻ, trí thức là nữ và người dân tộc.

3.3. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy đảng, chính quyền; triển khai thực hiện tốt chủ trương, cơ chế, chính sách đối với đội ngũ trí thức

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đảm bảo phù hợp khả thi, đồng bộ và hiệu quả.

- Triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách đặc thù phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức; đổi mới công tác quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chú trọng hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp thu và truyền bá tri thức tiên tiến. Thực hiện tốt quy định về phân cấp, phân quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở giáo dục trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học.

3.4. Tăng cường nguồn lực xây dựng đội ngũ trí thức chủ động, tích cực hội nhập quốc tế

- Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động, khơi thông nguồn lực xã hội, nguồn lực nước ngoài đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo, các quỹ đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tạo môi trường thuận lợi cho trí thức làm việc, nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến. Khuyến khích khu vực tư nhân thành lập các quỹ đầu tư khoa học và công nghệ, thu hút trí thức tham gia hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ; tạo điều kiện cho các nhà khoa học, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mũi nhọn được tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm, phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới.

3.5. Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trí thức; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động các hội trí thức

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trí thức, nhất là các nhà khoa học giỏi, chuyên gia đầu ngành, nhân tài, trí thức trẻ nhằm khơi dậy lòng yêu nước, tự

hào dân tộc, khát vọng phát triển, tin tưởng và ủng hộ đường lối, chủ trương của Đảng; nhận thức sâu sắc về sứ mệnh của trí thức đối với đất nước; nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, chủ động tham gia nghiên cứu nâng cao năng lực, trình độ. Đồng thời, phát huy tinh thần đoàn kết, sức mạnh tổng hợp của đội ngũ trí thức góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các hội trí thức, nhất là Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh, Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh theo hướng sát thực tiễn, động viên, phát huy tối đa vai trò, tiềm năng to lớn của đội ngũ trí thức.

- Tạo điều kiện cho các hội trí thức, đội ngũ trí thức đóng góp ý kiến, tham gia hoạt động tư vấn, giám sát, phản biện, giám định xã hội, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động các hội đồng tư vấn của Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Tạo điều kiện cho các hội trí thức tham gia thực hiện một số dịch vụ công, giám sát hoạt động nghề nghiệp, kiểm định và công bố chất lượng một số dịch vụ công.

- Xây dựng tổ chức đảng trong các hội trí thức trong sạch, vững mạnh, đóng vai trò nòng cốt chính trị trong hoạt động của hội. Quan tâm phát triển đảng viên trong đội ngũ trí thức, nhất là trí thức trẻ đáp ứng yêu cầu của tỉnh.